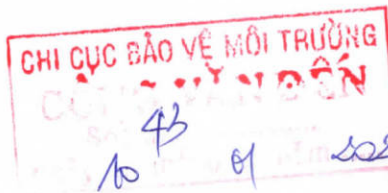


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ



CANTHOWASSCO

**BÁO CÁO GIÁM SÁT
CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
NHÀ MÁY NƯỚC BÔNG VANG**

Ấp Mỹ Phước, xã Mỹ Khánh, huyện Phong Điền, TP Cần Thơ

NĂM 2023

Thời gian: từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

Cần Thơ, tháng 01 năm 2024

Số: 16 /BC-CTN

Cần Thơ, ngày 08 tháng 01 năm 2024

BÁO CÁO CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2023

THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở sản xuất: Nhà máy nước Bông Vang trực thuộc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ.

- Địa chỉ: ấp Mỹ Phước, xã Mỹ Khánh, huyện Phong Điền, TPCT.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Nguyễn Tùng Nguyên

- Điện thoại: 02923 810 188; Fax: 02923 810 188. E-mail: ctncantho@gmail.com

- Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất nước sinh hoạt.

- Giấy phép đăng ký kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần. Mã số doanh nghiệp: 1800155244, đăng ký thay đổi lần thứ 12, ngày 15 tháng 7 năm 2022.

- Giấy phép môi trường số: 138/GPMT-UBND, ngày cấp 26 tháng 12 năm 2022, do Ủy ban nhân dân Thành phố Cần Thơ cấp.

- Khối lượng sản phẩm: 8.209 m³/ngày đêm (năm 2022);
8.780 m³/ngày đêm (năm 2023).

- Điện tiêu thụ: (202 W/m³ năm 2022) (198 W/m³ năm 2023)

- Hoá chất tiêu thụ: PAC (7,8 g/m³ năm 2022) (6,7 g/m³ năm 2023)
Clo (2,8 g/m³ năm 2022) (2,8 g/m³ năm 2023)

Phần 1. Kết quả hoạt động các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải

1.1. Xử lý nước thải

- Liệt kê các công trình xử lý nước thải: 01 bể tự hoại 03 ngăn xử lý nước thải sinh hoạt, 01 hệ thống xử lý nước thải sản xuất.

- Tổng lượng nước thải sinh hoạt: 730 m³ (2 m³/ngày đêm) năm 2022;
730 m³ (2 m³/ngày đêm) năm 2023.

- Tổng lưu lượng nước thải công nghiệp: 54,75 nghìn m³ (150 m³/ngày đêm) năm 2022;
Từ 54,75 nghìn m³ (150 m³/ngày đêm) đến 73 nghìn m³ (200 m³/ngày đêm) năm 2023.

Lưu lượng tối đa được cấp phép môi trường: (400 m³/ngày đêm) 146 nghìn m³/năm.



1.2. Kết quả quan trắc nước thải

Quan trắc định kỳ nước thải công nghiệp

- Thời gian quan trắc: 14/03/2023 – 21/6/2023 – 19/9/2023 – 14/12/2023
- Tần suất quan trắc: 03 tháng/01 lần.
- Vị trí các điểm quan trắc: Tại cống xả thải sau hệ thống xử lý nước thải.
- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 04 mẫu nước thải.
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT, cột A.
- Đơn vị thực hiện quan trắc: Công ty TNHH Công nghệ NHONHO (VILAS 694).
- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc: 04 mẫu nước thải sản xuất sau hệ thống xử lý. Không có chỉ tiêu vượt (đính kèm kết quả).

2. Về công trình bảo vệ môi trường với khí thải

Nhà máy không phát sinh khí thải.

3. Về quản lý chất thải rắn thông thường

Thông kê CTRSH:

TT	CTRSH	Số lượng (kg/năm)	Tổ chức cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng năm gần nhất (kg/năm)
01	Rác sinh hoạt	262	Công ty TNHH dịch vụ công ích Thiên Phúc	262

Thông kê CTCNTT:

TT	Nhóm CTCNTT	Số lượng (m ³ /năm)	Tổ chức cá nhân tiếp nhận CTCNTT	Khối lượng năm gần nhất (kg/năm)
01	Bùn thải đã được phân định là CTCNTT	195	Bơm lấp những chỗ trống trong khuôn viên nhà máy	195

4. Về quản lý chất thải nguy hại:

Thông kê CTNH:

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)	Phương pháp xử lý	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng năm gần nhất (kg/năm)
Bóng đèn	16 01 06	0	-	-	6
Giẻ lau	18 02 01	0	-		4
Tổng số lượng		0	-		10

Trong năm 2022 Công ty đã thuê đơn vị có chức năng thu gom và xử lý hết CTNH, năm 2023 chưa phát sinh CTNH.



5. Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

5.1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường

Nhằm giảm thiểu ô nhiễm đối với nước thải phát sinh tại Nhà máy nước Bông Vang, Công ty Cổ phần cấp thoát nước Cần Thơ có những phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường như sau:

- Khu vực phát sinh nước thải được thiết kế, lắp đặt công thu gom riêng biệt, dẫn về công trình xử lý nước thải, nhằm đảm bảo thu gom lượng nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Nhà máy.

- Phân công công nhân trực vận hành công trình xử lý nước thải, bất kỳ có biểu hiện bất thường nào của công trình xử lý nước thải đều được phát hiện, khắc phục kịp thời.

- Khi có sự cố môi trường xảy ra nhà máy có bố trí người phụ trách để đảm bảo an toàn cho người và tài sản, kịp thời thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước nhanh nhất.

- Trong quá trình hoạt động của nhà máy định kỳ tiến hành lấy mẫu kiểm tra chất lượng nước thải sau xử lý và nước mặt sông Trường Tiền nơi tiếp nhận nước thải tại Nhà máy nước Bông Vang để kiểm soát, ngăn ngừa các chỉ tiêu ô nhiễm bị vượt và báo cáo về cơ quan quản lý Nhà nước.

5.2. Báo cáo việc thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường: Trong năm không xảy ra sự cố môi trường.

Nơi nhận:

- Sở TN&MT TPCT;
- UBND huyện Phong Điền;
- Lưu: HC, Phòng QLCL&MT



Huỳnh Thiện Đình



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ

Số 2A Nguyễn Trãi, phường Tân An, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

(0292) 382 1711 - 381 0188

ctncanθο@gmail.com

www.ctn-canθο.com.vn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 138 /GPMT-UBND

Cần Thơ, ngày 26 tháng 2 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ số 293A/CTN ngày 28 tháng 9 năm 2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4172/TTr-STNMT ngày 12 tháng 12 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ, địa chỉ văn phòng tại số 2A, đường Nguyễn Trãi, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy nước Bông Vang” tại ấp Mỹ Phước, xã Mỹ Khánh, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy nước Bông Vang.

1.2. Địa điểm hoạt động: ấp Mỹ Phước, xã Mỹ Khánh, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1800155244 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 6 năm 2018 và đăng ký thay đổi lần thứ 12, ngày 15 tháng 7 năm 2022.

1.4. Mã số thuế: 1800155244

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cấp nước sinh hoạt.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích khu đất thực hiện dự án: 8.322 m² (theo Hợp đồng thuê đất số 13/HĐTD-2021 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ và Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ ngày 18 tháng 6 năm 2021).

- Công trình Nhà máy cấp nước sinh hoạt với công suất thiết kế 10.000 m³/ngày.đêm. Nguồn nước đầu vào: Nước sông Cần Thơ tại khu vực xã Mỹ Khánh, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

1.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

1.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

1.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

1.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

1.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này (nếu có).

Điều 2: Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cá nhân được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3: Thời hạn của Giấy phép môi trường: 10 năm (từ ngày 26 tháng 12 năm 2022 đến ngày 26. tháng 12 năm 2032).

Điều 4: Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Phong Điền tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ dự án;
- Công TT điện tử thành phố;
- VP UBND TP (3B);
- Lưu: VT.VK

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Tấn Hiền



001
001
00P
THO
AN
IEU.

Phụ lục 1

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 138 /GPMT-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2022
của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn 1: Nước thải sinh hoạt (phát sinh từ hoạt động nhân viên tại nhà máy được xử lý bằng hầm tự hoại 3 ngăn).

- Nguồn 2: Nước thải sản xuất (phát sinh từ thiết bị lọc nước và nước xả bể lắng nước cấp).

- Lưu lượng xả tối đa: Lưu lượng xả tối đa đề nghị cấp phép môi trường 400 m³/ngàyđêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sản xuất phát sinh sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn quy định được xả thải vào điểm xả sông Trường Tiền, xã Mỹ Khánh, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí đầu nối xả thải: Điểm đầu nối vào sông Trường Tiền, xã Mỹ Khánh, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰45', múi chiếu 3⁰): X= 1105415; Y= 0578146.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 400 m³/ngàyđêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý theo công thoát nước tự chảy vào Sông Trường Tiền.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục (24/24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 40: 2011/BTNMT, cột A, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH		6-9	6 tháng/lần	-
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)		29,7		
3	COD	-	74,25		

4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	49,5		
5	Sunfua	mg/l	0,198		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,95		
7	Tổng nitơ	mg/l	19,8		
8	Tổng phospho (tính theo P)	mg/l	3,96		
9	Chì	mg/l	0,099		
10	Asen	mg/l	0,0495		
11	Cadimi	mg/l	0,0495		
12	Thủy ngân	mg/l	0,00495		
13	Coliform	MPN/100 ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt: Được thu gom vào bể tự hoại 03 ngăn (thể tích 18 m³) để xử lý, được hút định kỳ bằng xe vệ sinh thông tắc cống với tần suất 6 tháng/lần.

Nước thải sản xuất: Nước thải từ hoạt động sản xuất bao gồm nước thải từ quá vệ sinh thiết bị rửa lọc và nước xả đáy bể lắng của dây chuyền sản xuất nước mặt thành nước sạch được thu gom bằng cống B400 có chiều dài 60m và dẫn trực tiếp về công trình xử lý nước thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh được thu gom, xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn, sau đó được hút định kỳ bằng xe vệ sinh thông tắc cống với tần suất 6 tháng/lần.

- Bể tự hoại 03 ngăn:

+ Dạng hình chữ nhật là công trình xử lý chất thải sinh hoạt có hai chức năng lắng và phân hủy cặn lắng với hiệu suất xử lý chất ô nhiễm từ 30 - 40% (riêng phần cặn lắng được giữ lại trong bể từ 80 - 85%). Thời gian từ 3 - 6 tháng dưới ảnh hưởng của các sinh vật kỵ khí, chất hữu cơ phân hủy và một phần tạo thành các chất khí, một phần tạo thành chất vô cơ hòa tan.

+ Kết cấu bê tông cốt thép không thấm và không phát sinh mùi, bố trí

5.2.2
 : TY
 : AN
 : TU
 : HO
 : C

ngâm.

+ Kích thước bể: 3m * 3m * 2m, thể tích 18m³. Dung tích bể tự hoại được thiết kế phù hợp với lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh.

- Xử lý nước thải sản xuất:

+ Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt như sau: Nước thải sản xuất → Bể lắng dạng zích zắc → Nước thải sau xử lý đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT → Sông Trường Tiền (Bể chứa bùn → Thu gom, lưu trữ và xử lý theo quy định về quản lý chất thải rắn).

- Công suất thiết kế: hệ thống xử lý nước thải sản xuất của dự án với công suất 400 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: -.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:-

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn.

- Nạo vét hệ thống công rãnh định kỳ để khơi thông dòng chảy, tránh bị ứ đọng nước.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và bảo trì, bảo dưỡng bể tự hoại định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng công suất, quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế.

- Đảm bảo nguồn cung cấp điện để duy trì hoạt động của các máy móc, thiết bị hệ thống xử lý nước thải.

- Khi phát hiện hiện sự cố, ngưng hoạt động, hồi lưu toàn bộ nước thải không đạt tiêu chuẩn về bề điều hòa để tiến hành xử lý lại và nhanh chóng rà soát, xử lý sự cố.

- Lập sổ theo dõi lưu lượng, chất lượng nước thải và hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

- Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm (dự kiến):

- Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm: 01/01/2023.

- Thời gian kết thúc vận hành thử nghiệm: 31/03/2023.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sản xuất của dự án với công suất 400 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải.
- Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải (tại hố ga trong phạm vi dự án trước khi đầu nối vào Sông Trường Tiền).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Thông số: Lưu lượng, pH, BOD₅, TSS, chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Tổng nitơ, Phosphat (tính theo P), tổng Coliforms, Chì, Asen, Cadimi, Thủy ngân.

- Quy chuẩn áp dụng: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp QCVN 40: 2011/BTNMT (cột A).

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi:-

3.3. Trường hợp xả thải vào công trình thủy lợi nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước trong công trình thủy lợi, chủ dự án đầu tư, cơ sở phải báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng quản lý công trình thủy lợi.

3.4. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo:-

3.5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác (nếu có):-

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 138/GPMT-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2022
của Ủy ban nhân dân Thành phố Cần Thơ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

Loại hình dự án là nhà máy cấp nước sinh hoạt trong quá trình hoạt động không phát sinh khí thải công nghiệp, có phát sinh khí thải từ máy máy điện dự phòng như sau:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng. Lưu lượng xả tối đa được xác định trên công suất máy. Đây là nguồn thải không thường xuyên, mang tính chất dự phòng khi mạng lưới điện quốc gia có sự cố mất điện.

- Nguồn số 02:-.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:-

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải máy phát điện dự phòng.

Dự án trang bị 01 máy phát điện dự phòng để cấp điện cho toàn dự án trong trường hợp mất điện. Khí thải thoát ra môi trường theo ống thoát khí thải.

- Nguồn số 02:-

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:-

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:-

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:-

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:-

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 138/GPMT-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Cần Thơ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung từ máy bơm của trạm xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:-

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26: 2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Máy phát điện dự phòng được trang bị máy mới, khí thải đạt theo tiêu chuẩn; đặt trong phòng kín, cách âm, lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su, trang bị các bộ tiêu âm; thường xuyên kiểm tra lượng dầu bôi trơn và dầu trong máy; không để máy hoạt động quá tải; bảo dưỡng máy theo định kỳ.

- Lắp đặt đệm chống rung bằng đệm cao su cho máy bơm nước thải, máy thổi khí trong hệ thống xử lý nước thải đảm bảo độ cân bằng của máy móc khi hoạt động.

- Trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải thường xuyên kiểm tra độ cân bằng của máy, độ mài mòn của các chi tiết, tra dầu mỡ và thay thế các chi tiết bị mài mòn.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án.

1801
 CÔ
 CÔ
 ẬP TI
 CẢ
 KIẾ

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo:-

2.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:-

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 138 /GPMT-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2022
của Ủy ban nhân dân Thành phố Cần Thơ)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Loại chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	3 kg/năm
2	Giẻ lau dính dầu, nhớt	18 02 01	3 kg/năm
3	Pin dùng cho bộ điều khiển máy lạnh	19 06 01	0,2kg/năm
Tổng khối lượng			6,2

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Bùn thải: khoảng 195 m³/năm (Bùn thải sau xử lý nước thải sản xuất đã được lấy mẫu phân tích có các thông số đạt theo QCVN 50:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước). Cát lọc: khoảng 25m³ được tái sử dụng.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:-

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 03 thùng 120L, bên ngoài thùng được dán tên, mã chất thải nguy hại và ký hiệu cảnh báo theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 09 m².
- Thiết kế, cấu tạo cửa kho: Mặt sàn là nền bê tông chống thấm, có gờ chống tràn, không bị thấm thấu và tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có trần là bê tông cốt thép kiên cố, cách nhiệt, có biển cảnh báo và dán nhãn theo đúng quy định, có trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố tràn đổ.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1 Thiết bị lưu chứa: Bể chứa bùn (02 bể). Vật liệu bê tông cốt thép với kích thước mỗi bể 30,1m x 11,6m x 2m (Dài x Rộng x Cao)

2.2.2 Kho/khu vực chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài:-

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom hàng ngày.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải:

3.1. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải nguy hại:-

3.1. Hệ thống, công trình, thiết bị chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:-

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:-

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 138 /GPMT-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Cần Thơ)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:-

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:-

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG):-

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Giấy phép môi trường là căn cứ để thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hoạt động bảo vệ môi trường.

Sau khi được cấp giấy phép môi trường, chủ dự án phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đồng thời với quá trình vận hành thử nghiệm toàn bộ dự án để đánh giá phù hợp và đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chủ đầu tư phải tuân thủ yêu cầu về bảo vệ môi trường theo giấy phép môi trường và quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo giấy phép môi trường đã cấp thì phải thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 5 Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường./.



TỈNH/THÀNH PHỐ

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

BÌNH DƯƠNG

Số : 17433 /2022/1-2-3-4-5-6.033.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH SX-TM-DV MÔI TRƯỜNG VIỆT XANH Số Giấy phép môi trường/ Mã số QLCTNH (nếu có): 1-2-3-4-5-6.033.VX
 Địa chỉ văn phòng : Lô N1, Đường N8, KCN Nam Tân Uyên, Tân Uyên, Bình DươngĐT: 0274.365.3076
 Địa chỉ cơ sở/ đại lý: Lô N1, Đường N8, KCN Nam Tân Uyên, Tân Uyên, Bình DươngĐT: 0274.365.3076

2. Chủ CS DV XL CTNH 2 : Giấy phép môi trường/ Mã số QLCTNH (nếu có) :
 Địa chỉ văn phòng :ĐT:
 Địa chỉ cơ sở :ĐT:

3. Chủ nguồn thải : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ Số Giấy phép môi trường/ Mã số QLCTNH (nếu có): CẤP THOÁT NƯỚC
 Địa chỉ văn phòng : Số 2A, Nguyễn Trãi, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.ĐT : 02923. 821 710
 Địa chỉ cơ sở : Nhà máy nước Bông Vang, Số 17, Ấp Mỹ Phước, Xã Mỹ Khánh, Huyện Phong Điền, TP, Cần Thơ.ĐT : 02923. 824 092

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06	6	TĐ
2	Giẻ lau thải nhiễm các thành phần nguy hại	X			18 02 01	4	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu ôxy); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/ đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
 Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng:
 Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển : 61N-54.66

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Trần Quang Hoà Ký: Ngày 13 / 12 / 2022

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:/...../2022

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
 Cần Thơ, Ngày 13 tháng 12 năm 2022

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
 Huỳnh Chiện Đình

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
 Bình Dương, Ngày 14 tháng 12 năm 2022
 người ký
 (Chữ ký, đóng dấu)

TRƯỞNG BAN ISO
TẠ ĐỨC NHẬN

@Liên số: 10 - 20 - 30 - 40

Ghi chú : ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

001
 CÔNG
 CỐ P
 THO
 CẦN
 TIÊU

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 65 /STNMT-CCBVM
V/v ý kiến xử lý-bùn thải trong quá trình

Cần Thơ, ngày 08 tháng 01 năm 2019

TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ

ĐẾN Số:
Ngày: 4/8/3/2019
Chuyển:

xử lý nước cấp.

Kính gửi: Công ty cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ.

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Xét Công văn số 550/CTN ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ về việc xin ý kiến xử lý bùn thải trong quá trình xử lý nước cấp.

Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

- Công ty đã phân định bùn thải là chất thải thông thường theo khoản 2, điều 7 của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 (quy định “chủ nguồn thải chất thải nguy hại tự chịu trách nhiệm về việc phân định, phân loại, xác định số lượng chất thải nguy hại phải báo cáo và quản lý”).

- Trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường (được quy định tại điều 30 của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015) như sau:

+ Thực hiện trách nhiệm phân định, phân loại, lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định.

+ Tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng hoặc ký hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường.

+ Định kỳ báo cáo tình hình phát sinh, quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường trong báo cáo giám sát môi trường định kỳ.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP, CCBVMT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Chí Kiên

244
TY
CẤP
THOÁT
NƯỚC
CẦN
THƠ
TP. CẦN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

—o0o—

Phong Điền, ngày 23 tháng 8 năm 2022

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ THU GOM RÁC

Số:.....29.....

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai Bên,

Hôm nay, ngày 23 tháng 8 năm 2022, tại Văn phòng Công Ty TNHH Dịch Vụ Công Ích Thiên Phúc, chúng tôi gồm:

Bên cung cấp (sau đây gọi là bên A): CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THIÊN PHÚC

Địa chỉ: 408, Nhơn Lộc 2, TT Phong Điền, Huyện Phong Điền, TP. Cần Thơ

SĐT: 0939.838.836

Giấy chứng nhận đăng ký DN số: 1801708050 Do: Sở KH&ĐT TPCT Cấp ngày :13/07/2021

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Huỳnh Thống Nhứt** Chức vụ: **Giám Đốc**

Bên nhận cung cấp (sau đây gọi là bên B): CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ

Địa chỉ: Số 2A Nguyễn Trãi, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Mã số thuế: 1800 155 244

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Tùng Nguyên** Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Số CCCD: 086072007420 Ngày cấp: 14/4/2022 Nơi Cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

SĐT: 02923.810.188

Sau khi thỏa thuận, hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ thu gom rác với những điều khoản sau:

Điều 1. Đối tượng của hợp đồng:

Nhằm đáp ứng việc thu gom rác thải trên địa bàn được kịp thời, đúng thời gian quy định góp phần giữ gìn môi trường xanh - sạch - đẹp trên toàn địa bàn Huyện Phong Điền, Bên A đồng ý cung cấp và bên B đồng ý nhận cung cấp các dịch vụ thu gom rác và xử lý rác thải trên địa bàn Huyện Phong Điền với các công việc sau đây:

- Địa điểm thu gom rác: Chi nhánh Cấp nước Bông Vang.
- Tần suất thu gom rác: 02 ngày/lần.
- Thời gian thu gom: Sáng hoặc trưa.

Lưu ý: Tần suất và thời gian thu gom có thể thay đổi phụ thuộc vào khối lượng rác trên địa bàn và những vấn đề đột xuất do khách quan mang lại hoặc phục vụ nhiệm vụ theo kế hoạch của địa phương.

Điều 2. Thực hiện hợp đồng:

Thời gian thực hiện hợp đồng này được 02 bên thỏa thuận từ ngày 23/8/2022 đến ngày 23/4/2024. Trong vòng ... ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng, bên A có nghĩa vụ cung cấp các dịch vụ theo Điều 1 cho bên B tại địa điểm và thời gian đã được thỏa thuận trong hợp đồng.

Điều 3. Tổng giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán:

1. Giá trị của hợp đồng là 100.000 đồng/tháng. Nếu có sự thay đổi về giá dịch vụ bên A phải có nghĩa vụ thông báo ngay cho bên B sau khi đã điều chỉnh mức giá mới.
2. Phương thức thanh toán: cuối mỗi tháng bên A sẽ gửi phiếu yêu cầu thanh toán cho bên B. Bên B tiến hành thanh toán bằng hình thức tiền mặt cho bên A.
3. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có sự ảnh hưởng của các điều kiện khách quan dẫn đến sự thay đổi về giá thị trường kèm theo đó phát sinh các chi phí thì số tiền phát sinh trên sẽ do bên B chịu.
4. Quy định về chậm thanh toán: bên B có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ các khoản tiền khi đến hạn thanh toán. Nếu bên B không thanh toán đúng hạn bên A có quyền ngưng cung cấp dịch vụ.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên:

1. Quyền và nghĩa vụ của bên A:
 - + Bên A có quyền từ chối thu gom rác gây cháy nổ hoặc chứa hóa chất độc hại.
 - + Bên A có quyền yêu cầu bên B thanh toán phí dịch vụ đúng hạn.
 - + Bên A có nghĩa vụ cung ứng các dịch vụ đúng theo thỏa thuận và theo quy định của pháp luật.
2. Quyền và nghĩa vụ của bên B:
 - + Bên B có quyền yêu cầu bên A thực hiện công việc theo đúng chất lượng, số lượng, thời hạn, địa điểm và thỏa thuận khác.
 - + Bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu bên A không hoàn thành theo thỏa thuận.
 - + Bên B có nghĩa vụ thanh toán tiền cung ứng dịch vụ theo đúng thời hạn như đã thỏa thuận trong hợp đồng cho bên A.
 - + Thực hiện đúng các tiêu chuẩn quy định về phân loại thu gom rác thải, tạo điều kiện nơi thu gom rác phải thuận tiện cho xe rác vào thu gom.
 - + Bên sử dụng dịch vụ có nghĩa vụ cung cấp kịp thời các kế hoạch, chỉ dẫn và những chi tiết khác để việc cung ứng dịch vụ được thực hiện không bị trì hoãn hay gián đoạn.

001
CÔNG
CỐ P
THO
CÁN T
TIÊU-T

001
CÔNG
CỐ P
THO
CÁN

+ Bên sử dụng dịch vụ có nghĩa vụ hợp tác trong tất cả những vấn đề cần thiết khác để bên cung ứng có thể cung ứng dịch vụ một cách thích hợp.

Điều 5. Giải quyết tranh chấp:

1. Mọi tranh chấp phát sinh liên quan đến hiệu lực hoặc việc thực hiện hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng thương lượng giữa các bên. Nếu Tranh Chấp không thể được giải quyết bằng biện pháp thương lượng thì hai bên có quyền đưa Tranh Chấp đó ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

2. Quyết định của trọng tài là quyết định cuối cùng và phải được các bên tuân theo. Phí trọng tài sẽ do bên thua kiện trả, trừ khi có sự thỏa thuận của hai bên.

Điều 6. Hiệu lực của hợp đồng:

1. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 23/8/2022 đến ngày 23/4/2024 Hợp đồng sẽ được gia hạn nếu các Bên đồng ý việc gia hạn bằng văn bản trước ngày hết hạn của hợp đồng.

2. Hai bên đều đã đọc và thống nhất tất cả các nội dung, điều khoản của hợp đồng.

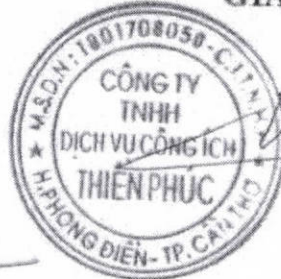
3. Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN B
TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Tùng Nguyên

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC



Huỳnh Thông Nhứt



TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM03 LBH.07

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ
Address (Địa chỉ) : Số 2A, Nguyễn Trãi, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

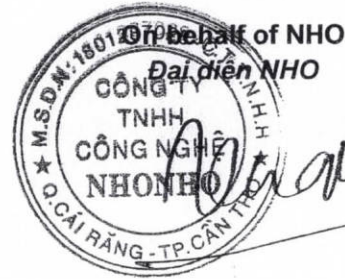
JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC121514046
Information provided by applicant : NƯỚC THẢI ĐÃ XỬ LÝ NHÀ MÁY NƯỚC BÔNG VANG
(Thông tin được khách hàng cung cấp)
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong chai thủy tinh và can nhựa
Seal No (Số niêm) : Không niêm
Source of sample (Nguồn mẫu) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 14/03/2023
Sample tested on (Ngày phân tích) : 14/03/2023
Report date (Ngày trả kết quả) : 22/03/2023

Note / Ghi chú:

- (1) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.
- (1) Parameter is accredited ISO/IEC 17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025
- (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- (4) Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<3;<10: Not detected/g sample/ Không phát hiện/g mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

LÊ SỸ NGHỊ



HOÀNG BÁ NGHỊ

NHONHO TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

- Ha Noi office: Km 11, National highway 21, Thach That district, Ha Noi city.
- HCM office 1: Van Dat tower, street 1, Tan Binh Industrial Park, Tan Phu district, HCM city.
- HCM office 2: BE 19, street 12, Phong Phu 4 KDC, Binh Chanh district, HCM city.

- Can Tho office 1: K2 - 17, Vo Nguyen Giap street, Cai Rang district, Can Tho city.
- Can Tho office 2: Area 6, Hung Thanh ward, Cai Rang district, Can Tho city.
- Thai Nguyen office: 07 Thong Nhat street, Thai Nguyen city, Thai Nguyen province.

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM03 LBH.07



YC121514046/3

Sample name/ Tên mẫu: NƯỚC THẢI ĐÃ XỬ LÝ NHÀ MÁY NƯỚC BÔNG VANG

Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(S)	SMEWW 5220-D : 2017	mg/L	8.30	8.56 < LOQ(25)
Sulfua (S ²⁻) ^(S)	SMEWW 4500 S2-.B&D : 2017	mg/L	0.015	ND
Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(S)	TCVN 5988:1995	mg/L	0.500	ND
Tổng Nito ^(S)	TCVN 6638: 2000	mg/L	3.00	ND
Chất rắn lơ lửng (TSS) ^(S)	SMEWW 2540D:2017	mg/L	4.00	11.5 < LOQ(12)
Nhu cầu oxi sinh hóa (BOD ₅) ^(S)	SMEWW 5210-B : 2017	mg/L	1.30	6.91
Phospho tổng ^(S)	SMEWW 4500-P B&E : 2017	mg/L	0.020	0.091
Định lượng Coliforms ^(S)	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	2 MPN/100ml	<2
Thủy ngân (Hg) ^(S)	SMEWW 3112B:2017	mg/L	0.0002	ND
Chì (Pb) ^(S)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	0.003	0.005<LOQ (0.009)
Cadimi (Cd) ^(S)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	0.0005	ND
Asen (As) ^(S)	SMEWW 3114B:2017	mg/L	0.002	0.007
pH ^(S)	TCVN 6492:2011	/	-	7.53

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM03 LBH.09

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ
Address (Địa chỉ) : Số 2A, Nguyễn Trãi, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC121821033
Information provided by applicant (Thông tin được khách hàng cung cấp) : Nước thải sau xử lý Nhà máy nước Bông Vang (ngày 20/6/2023)
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu gồm 2 loại kiểm vi sinh mẫu được chứa trong chai thủy tinh kín nguyên vẹn; Mẫu kiểm hóa lý được chứa trong can nhựa kín nguyên vẹn
Seal No (Số niêm) : Không niêm
Source of sample (Nguồn mẫu) : Khách hàng gửi mẫu
Sampling on (Ngày lấy mẫu) : 21/06/2023
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 21/06/2023
Sample tested on (Ngày phân tích) : 21/06/2023
Report date (Ngày trả kết quả) : 27/06/2023

Note / Ghi chú:

- (1) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.
- (1) Parameter is accredited ISO/IEC 17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025
- (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- (4) Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường
- (6) Test parameter by Ho Chi Minh City branch / Chỉ tiêu thực hiện ở chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<2;<3;<10: Not detected/g sample/ Không phát hiện/g mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO

Authorized Technical Representative

Phụ trách kỹ thuật

LÊ SỸ NGHỊ



HOÀNG BÁ NGHỊ

NHONHO TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

- MekongLAB Can Tho office 1: K2 - 17, Vo Nguyen Giap street, Cai Rang district, Can Tho city.
- Can Tho office 2: Area 6, Hung Thanh ward, Cai Rang district, Can Tho city.
- Thai Nguyen office: 07 Thong Nhat street, Thai Nguyen city, Thai Nguyen province.

- Ha Noi office: Km 11, National highway 21, Thach That district, Ha Noi city.
- MekongLAB HCM office 1: Van Dat tower, street 1, Tan Binh Industrial Park, Tan Phu district, HCM city.
- HCM office 2: BE 19, street 12, Phong Phu 4 KDC, Binh Chanh district, HCM city.

Hotline: +84 901 339 669

Website: www.nhovn.com

Email: info@nhovn.com

Page/ Trang: 1 / 2



TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM03 LBH.09

YC121821033/5

Sample name/ Tên mẫu:

Nước thải sau xử lý Nhà máy nước Bông Vang (ngày 20/6/2023)

Information provided by applicant/
(Thông tin được khách hàng cung cấp)

Nước thải sau xử lý Nhà máy nước Bông Vang (ngày 20/6/2023)

Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
Nhu cầu oxi hóa học (COD) ⁽⁵⁾	SMEWW 5220-D : 2017	mg/L	8.30	39.8
pH ⁽⁵⁾	SMEWW 4500-H+B: 2017	/	/	7.51
Sulfua (S ₂ ⁻) ⁽⁵⁾	SMEWW 4500-S2 ⁻ .B&D:2017	mg/L	0.015	ND
Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ⁽⁵⁾	TCVN 5988:1995	mg/L	0.500	ND
Tổng Nitơ ⁽⁵⁾	TCVN 6638: 2000	mg/L	3.00	ND
Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽⁵⁾	SMEWW 2540D:2017	mg/L	4.00	21.5
BOD ₅ ⁽⁵⁾	SMEWW 5210-B : 2017	mg/L	1.30	28.1
Phospho tổng ⁽⁵⁾	SMEWW 4500-P.B&E:2017	mg/L	0.020	ND
Định lượng Coliforms ⁽⁵⁾	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	2 MPN/100ml	<2
Chì (Pb) ⁽⁵⁾	SMEWW 3125B:2017	mg/L	0.0004	ND
Asen (As) ⁽⁵⁾	SMEWW 3125B:2017	mg/L	0.0004	0.0017
Cadimi (Cd) ⁽⁵⁾	SMEWW 3125B:2017	mg/L	0.0004	ND
Thủy ngân (Hg) ⁽⁵⁾	SMEWW 3125B:2017	mg/L	0.0004	ND

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM03 LBH.09

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ
Address (Địa chỉ) : Số 2A, Nguyễn Trãi, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

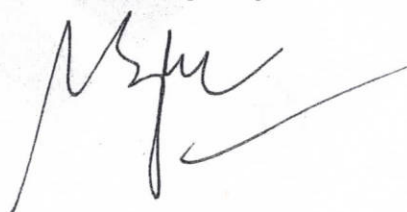
II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC122120061
Information provided by applicant (Thông tin được khách hàng cung cấp) : Nước thải sau xử lý Nhà máy nước Bông Vang BV
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong chai thủy tinh kín nguyên vẹn
Seal No (Số niêm) : Không niêm
Source of sample (Nguồn mẫu) : Khách hàng gửi mẫu
Sampling on (Ngày lấy mẫu) : 19/09/2023
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 20/09/2023
Sample tested on (Ngày phân tích) : 20/09/2023
Report date (Ngày trả kết quả) : 26/09/2023

Note / Ghi chú:

- ⁽¹⁾ Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.
- ⁽¹⁾ Parameter is accredited ISO/IEC 17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025
- ⁽²⁾ Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; TY
- ⁽³⁾ Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương; H&N
- ⁽⁴⁾ Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế; TN
- ⁽⁵⁾ Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường; TH
- ⁽⁶⁾ Test parameter by Ho Chi Minh City branch / Chỉ tiêu thực hiện ở chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh; C
- ⁽⁶⁾ Results are provided from field measurement records / Kết quả được cung cấp từ Biên bản đo hiện trường
- ND: Not detected / Không phát hiện D: Detected / Phát hiện <1;<2;<3;<10: Not detected/g sample / Không phát hiện/g mẫu
LOD: limit of detection / Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation / Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions. / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted / Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật



LÊ SỸ NGHI

On behalf of NHO
Đại diện NHO



HOANG BÁ NGHI

NHONHO TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

- Ha Noi office: Km 11, National highway 21, Thach That district, Ha Noi city.
- HCM office: Van Dat tower, street 1, Tan Binh Industrial Park, Tan Phu district, HCM city.

- Can Tho office: K2 - 17, Vo Nguyen Giap street, Cai Rang district, Can Tho city.

Hotline: +84 901 339 669

Website: www.nhovn.com

Email: info@hovn.com
Page/ Trana: 1 / 2

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM03 LBH.09



Code/ Mã mẫu:	YC122120061/3			
Sample name/ Tên mẫu:	Nước thải sau xử lý			
Information provided by applicant/ (Thông tin được khách hàng cung cấp)	Nước thải sau xử lý Nhà máy nước Bông Vang BV			
Test Parameter/ Chi tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
Nhu cầu oxi hóa học (COD) ⁽⁵⁾	SMEWW 5220-D : 2017	mg/L	8.30	ND
Tổng P ⁽⁵⁾	SMEWW 4500-P.B&E:2017	mg/L	0.020	ND
Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽⁵⁾	SMEWW 2540D:2017	mg/L	4.00	ND
Nhu cầu oxi sinh hóa (BOD ₅) ⁽⁵⁾	SMEWW 5210B : 2017	mg/L	1.30	ND
Tổng Nito ⁽⁵⁾	TCVN 6638: 2000	mg/L	3.00	ND
Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ⁽⁵⁾	TCVN 5988:1995	mg/L	0.500	ND
H ₂ S (tính từ Sulfua) ⁽⁵⁾	SMEWW 4500 S2-.B&D:2017	mg/L	0.015	ND
Định lượng Coliforms ⁽⁵⁾	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	02 MPN/100mL	<2
Asen (As) ⁽⁵⁾	SMEWW 3125B:2017	mg/L	0.0004	0.0006<LOQ (0.001)
Chì (Pb) ⁽⁵⁾	SMEWW 3125B:2017	mg/L	0.0004	ND
Cadimi (Cd) ⁽⁵⁾	SMEWW 3125B:2017	mg/L	0.0004	ND
Thủy ngân (Hg) ⁽⁵⁾	SMEWW 3125B:2017	mg/L	0.0004	ND
pH ⁽⁵⁾	SMEWW 4500-H+.B:2017	/	/	7.20

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM05 LBH.01

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ
 Address (Địa chỉ) : Số 2A, Nguyễn Trãi, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

Environmental Job no (Mã phiếu quan trắc MT) : MT202300046
 JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC122414084
 Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu gồm 2 loại kiểm vi sinh được chứa trong chai thủy tinh; kiểm hóa lý được chứa trong can nhựa kín còn nguyên vẹn; bảo quản lạnh trong thùng xốp ở nhiệt độ 8.0 độ C
 Source of sample (Nguồn mẫu) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu
 Sampling on (Ngày lấy mẫu) : 14/12/2023
 Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 14/12/2023
 Sample tested on (Ngày phân tích) : 15/12/2023

Code/ Mã mẫu:		YC122414084/3		
Sample name/ Tên mẫu:		Nước thải sau xử lý		
Sampling Information/ (Thông tin lấy mẫu)		(NT01) Nước thải sau xử lý Nhà máy nước Bông Vang (X:1150415 – Y:0578176)		
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(S)	TCVN 5988:1995	mg/L	0.500	ND
Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(S)	SMEWW 2540D:2017	mg/L	4.00	27.8
Sulfua (S ₂ ⁻) ^(S)	SMEWW 4500-S ₂ ⁻ .B&D:2017	mg/L	0.015	ND
Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(S)	SMEWW 5220-D : 2017	mg/L	8.30	12.5 < LOQ(25)
Tổng Nitơ ^(S)	TCVN 6638: 2000	mg/L	3.00	ND
Nhu cầu oxi sinh hóa (BOD ₅) ^(S)	SMEWW 5210B : 2017	mg/L	1.30	6.87
Tổng P ^(S)	SMEWW 4500-P.B&E:2017	mg/L	0.020	ND
Định lượng Coliforms ^(S)	TCVN 8775:2011	Vi khuẩn/100ml	01 Vi khuẩn/100ml	<1
Chì (Pb) ^(S)	SMEWW 3125B:2017	mg/L	0.0004	ND
Asen (As) ^(S)	SMEWW 3125B:2017	mg/L	0.0004	0.0013
Thủy ngân (Hg) ^(S)	SMEWW 3125B:2017	mg/L	0.0004	ND
Cadimi (Cd) ^(S)	SMEWW 3125B:2017	mg/L	0.0004	ND
pH ^{(S)(#)}	TCVN 6492:2011	/	/	7.03

NHONHO TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

- Ha Noi office: Km 11, National highway 21, Thach That district, Ha Noi city.
 - HCM office: Van Dat tower, street 1, Tan Binh Industrial Park, Tan Phu district, HCM city.

- Can Tho office: K2 - 17, Vo Nguyen Giap street, Cai Rang district, Can Tho city.

Hotline: +84 901 339 669

Website: www.nhovn.com

Page 1 of 1 | Email: info@nhovn.com

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM05 LBH.01

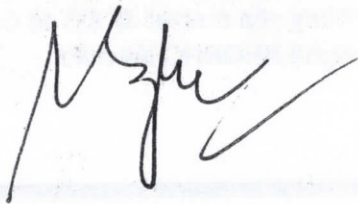
Note / Ghi chú:

- ⁽¹⁾ Testing parameter is sent to subcontractor Vimcert no:/ Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ Vimcert số...
- ⁽²⁾ Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường
- ⁽³⁾ Results are provided from field measurement records/ Kết quả được cung cấp từ Biên bản đo hiện trường
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<3;<10: Not detected/g sample/ Không phát hiện/g mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions. NHO only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO. NHO chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO

Report date (Ngày xuất phiếu kết quả): 21/12/2023

Authorized Technical Representative

Phụ trách kỹ thuật



LÊ SỸ NGHỊ

On behalf of NHO

Đại diện NHO



HOÀNG BÁ NGHỊ